

Số: /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả triển khai hoạt động hỗ trợ kết nối sản xuất, phân phối và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp huyện Triệu Sơn**

UBND huyện Triệu Sơn nhận được công văn số 2728/SCT-QLTM ngày 24/9/2021 của Sở Công thương Thanh Hóa về việc báo cáo kết quả triển khai hoạt động hỗ trợ kết nối sản xuất, phân phối và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh. UBND huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả triển khai hoạt động hỗ trợ kết nối sản xuất, phân phối và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**

Ngay từ khi UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định 5643/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 về việc ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 – 2020, UBND huyện đã tổ chức tuyên truyền phổ biến nội dung quyết định đến 36 xã, thị trấn và các cơ quan đơn vị liên quan thông qua các hội nghị, phô tô gửi tài liệu gửi cho các đơn vị để tuyên truyền tới mọi người dân, ban hành các văn bản để triển khai thực hiện chính sách, cụ thể:

- Quyết định 1377/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Chủ tịch UBND huyện về việc giao kế hoạch khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2016.

- Công văn 830/UBND-TB của UBND huyện Triệu Sơn về việc báo cáo sơ kết thực hiện Chương trình đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với tái cơ cấu kinh tế.

- Công văn số 1317/UBND-NN ngày 18/7/2016 của UBND huyện Triệu Sơn về việc yêu cầu các xã đăng ký diện tích, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tái cơ cấu năm 2017.

- Công văn 1442/UBND-NN ngày 02/8/2016 của UBND huyện Triệu Sơn về việc đăng ký khối lượng và kinh phí hỗ trợ cơ chế, chính sách năm 2017.

- Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 về việc giao kế hoạch khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2017 cho 12 xã trên địa bàn huyện.

- Công văn số 1411 /UBND-NN ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc thực hiện cơ chế chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2017.

- Công văn số 1317/UBND-NN ngày 15/7/2017 của UBND huyện Triệu Sơn về việc yêu cầu các xã đăng ký diện tích, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tái cơ cấu năm 2018.

- Quyết định số 2448/QĐ-UBND ngày 9/5/2018 về việc giao kế hoạch khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2018 cho các xã trên địa bàn huyện.

- Công văn số 1724/UBND-NN ngày 26/7/2018 của UBND huyện Triệu Sơn về việc đẩy mạnh việc thực hiện các nội dung của chính sách, xây dựng khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách tái cơ cấu năm 2019 .

- Công văn số 1750/UBND-NN ngày 31/7/2018 của UBND huyện Triệu Sơn về việc đăng ký khối lượng và kinh phí hỗ trợ chính sách tái cơ cấu năm 2019 .

- Công văn số 2860/UBND-NN ngày 13/11/2018 của UBND huyện Triệu Sơn về việc báo cáo kết quả thực hiện chính sách tái cơ cấu năm 2016 - 2019.

- Quyết định số 8637/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 về việc giao bổ sung khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2018 cho các xã trên địa bàn huyện.

- Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 về việc giao kế hoạch khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2019 cho các xã trên địa bàn huyện.

- Công văn số 1913/UBND-NN ngày 20/8/2019 của UBND huyện Triệu Sơn về việc đăng ký thực hiện chính sách tái cơ cấu năm 2020.

- Công văn số 2938/UBND-NN ngày 20/9/2019 của UBND huyện Triệu Sơn về việc báo cáo tiến độ thực hiện chính sách tái cơ cấu trên địa bàn huyện.

- Công văn số 3393/UBND-NN ngày 07/11/2019 của UBND huyện Triệu Sơn về việc thực hiện chính sách tái cơ cấu, tích tụ đất đai trên địa bàn huyện.

- Quyết định số 10094/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 về việc điều chỉnh, giao bổ sung khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2019 cho các xã trên địa bàn huyện.

## **II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

### **1. Kết quả chung**

Trong giai đoạn 2015-2020 huyện Triệu Sơn đã thực hiện hỗ trợ sản xuất và liên kết bao tiêu sản phẩm: 592,5 ha (khoai tây 44,5 ha, ngô ngọt, Ớt xuất khẩu 220,8 ha, Ngô dày 327,2 ha). Năng suất bình quân các loại cây trồng như: Ớt 120 tạ /ha, Ngô dày 300 tạ/ha, Khoai tây 72 tạ/ha.

Các công ty thực hiện bao tiêu sản phẩm là: Công ty TNHH Tỉnh Cầm, Công ty Rau quả Thanh Hóa, Công ty TNHH MTV Vinamilk – Trang trại bò sữa Thọ Xuân, Như Thanh, Thống Nhất, Công ty giống cây trồng Kiên Giang.

Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tập trung 6 ha và diện tích rau nhà lưới 0,1 ha tại xã Tiến Nông.

Hiện tại địa phương có 4 sản phẩm OCOP đang được tiêu thụ trên thị trường và các cửa hàng OCOP trong tỉnh: Chè sạch Bình Sơn (công suất: 6.000kg/ năm); Mật ong bốn mùa hoa rừng nguyên chất (công suất: 6.000kg/ năm); Trà xanh túi lọc (công suất: 8.500 hộp/ năm); Cà gai leo túi lọc (công suất: 6.000 hộp/ năm)

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ cây có hiệu quả thấp sang trồng cây có hiệu quả cao hơn; đưa các giống mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao vào sản xuất; phát triển sản xuất trồng trọt gắn với chế biến và xác định rõ một số vùng nguyên liệu tập trung cho các nhà máy chế biến, như: Vùng lúa thâm canh, năng suất, chất lượng 6.000 ha cho một số nhà máy chế biến gạo trên địa bàn tỉnh; vùng nguyên liệu mía 500 ha cho Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.

Một số mô hình đã được chuyển đổi sang cây trồng khác có liên kết với các doanh nghiệp từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện và đem lại hiệu quả kinh tế cao như:

+ Mô hình chuyển sang trồng ớt tại các xã như: Khuyến Nông, Tiến Nông, Thọ Phú, Vân Sơn, doanh thu cả năm đạt 160-340 triệu đồng/ha, trừ chi phí lợi nhuận đạt khoảng 100-260 triệu đồng/ha, cao gấp 5-10 lần so với trồng lúa.

+ Mô hình chuyển sang trồng rau màu các loại tại các xã Tiến Nông, Khuyến Nông, Nông Trường, Thọ Tân, Hợp Tiến doanh thu cả năm đạt 130-200 triệu đồng/ha, trừ chi phí, lợi nhuận đạt khoảng 50-60 triệu đồng/ha, cao gấp 3-5 lần so với trồng lúa.

+ Mô hình chuyển sang trồng dược liệu tại các xã Thái Hòa, Khuyến Nông, doanh thu cả năm đạt 500 triệu đồng/ha, trừ chi phí, lợi nhuận đạt khoảng 200 triệu đồng/ha, cao gấp 10-15 lần so với trồng lúa.

+ Mô hình chuyển sang trồng cây ăn quả tại xã Thọ Thê, Đồng Lợi, Thọ Vực, Thọ Phú; doanh thu cả năm đạt 300-400 triệu đồng/ha, lợi nhuận đạt khoảng 100-200 triệu đồng/ha.

+ Mô hình chuyển sang trồng cây cảnh tại các xã Hợp Lý, Thọ Tân doanh thu cả năm đạt 500-600 triệu đồng/ha, trừ chi phí, lợi nhuận đạt khoảng 250-300 triệu đồng/ha, cao gấp 15-20 lần so với trồng lúa.

+ Mô hình chuyển sang trồng mía tại các xã Hợp Thành 4 ha, Thọ Bình 3,8 ha, Xuân Lộc 4,3 ha, Thọ Ngọc 7 ha, doanh thu cả năm đạt 80 - 100 triệu đồng/ha, trừ chi phí, lợi nhuận đạt khoảng 40-50 triệu đồng/ha, cao gấp 3-5 lần so với trồng lúa.

+ Mô hình chuyển sang nuôi cá kết hợp trồng lúa tại xã Xuân Lộc, Thọ Tiến, Thọ Ngọc, Thọ Cường, Xuân Thọ, Đồng Tiến, doanh thu cả năm đạt 100-150 triệu đồng/ha, trừ chi phí, lợi nhuận đạt khoảng 50-70 triệu đồng/ha, cao gấp 5-7 lần so với trồng lúa.

## **2. Hỗ trợ sản xuất liên kết bao tiêu sản phẩm vụ Đông với tổng số tiền 4.636,17 triệu đồng, trong đó:**

### **2.1. Năm 2016:** Hỗ trợ số tiền 806.065.000 đồng, gồm:

- Hỗ trợ công tác chỉ đạo điều hành (1.585,05 ha) với số tiền 504.515.000 đồng.

- Hỗ trợ các mô hình liên kết bao tiêu sản phẩm (155,5 ha) với số tiền 301.550.000 đồng.

### **2.2. Năm 2017:** Hỗ trợ số tiền 806.065.000 đồng, gồm:

- Hỗ trợ công tác chỉ đạo điều hành (1.381,72 ha) với số tiền 414.515.000 đồng.

- Hỗ trợ các mô hình liên kết bao tiêu sản phẩm (195,775 ha) với số tiền 391.550.000 đồng.

**2.3. Năm 2018:** Hỗ trợ (868,08 ha giống ngô) với số tiền 577,8 triệu đồng.

**2.4. Năm 2019:** Hỗ trợ số tiền 1.103.7,9 triệu đồng, gồm:

- Hỗ trợ (877,53 ha giống ngô) với số tiền 570,4 triệu đồng.

- Hỗ trợ (công chỉ đạo 17 xã) với số tiền 310 triệu đồng.

- Hỗ trợ (71,93 ha liên kết bao tiêu sản phẩm) với số tiền 223,4 triệu đồng.

**2.5. Năm 2020:** Hỗ trợ số tiền 1.342,4 triệu đồng, gồm:

- Hỗ trợ (752,32 ha giống ngô) với số tiền 489,8 triệu đồng.

- Hỗ trợ (công chỉ đạo 16 xã) với số tiền 340 triệu đồng.

- Hỗ trợ (171,14 ha liên kết bao tiêu sản phẩm và thuê đất) với số tiền 512,6 triệu đồng.

### **3. Hỗ trợ mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản**

- Hỗ trợ mua hạt giống thực hiện mô hình liên kết sản xuất và thu mua, chế biến sản phẩm lúa gạo an toàn vụ Xuân năm 2020 (155,75 ha) với số tiền 104.480.000 đồng.

- Hỗ trợ cơ sở bảo quản, chế biến nông sản gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm OCOP (lúa gạo, gia súc, gia cầm, rau quả, dược liệu, chè, thủy sản nước ngọt): Hỗ trợ máy móc, công trình hạ tầng phục vụ bảo quản, chế biến (6 cơ sở) với tổng số tiền 20.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ phát triển cây chè (chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP, công nghệ tưới tiên tiến): Hỗ trợ 200 ha với tổng số tiền 2.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ sản xuất vụ đông: Hỗ trợ giống, liên kết sản xuất với tổng số tiền 4.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình nuôi trồng thủy sản tập trung (cá trắm cỏ) theo hình thức thâm canh gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm OCOP: Hỗ trợ 5 mô hình với tổng số tiền 1.000 triệu đồng

### **4. Hiệu quả kinh tế**

- Có chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm của tỉnh, huyện nên đã thu hút được doanh nghiệp vào đầu tư liên kết với bà con nông dân sản xuất nông nghiệp trên địa bàn; mô hình liên kết sản xuất các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao được nhân rộng; nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị sản xuất, hạn chế được tình trạng “được mùa, mất giá”.

- Mở rộng diện tích xây dựng cánh đồng mẫu lớn liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, các quy trình sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường được phổ biến và nhân rộng.

- Việc hỗ trợ các địa phương kiên cố hóa giao thông, thủy lợi nội đồng, mua máy cày, máy gặt đập liên hợp nhằm rút ngắn thời gian, giảm tổn thất sau

thu hoạch, thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần ứng dụng nhanh cơ giới hóa vào sản xuất.

### **III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

#### **1. Những hạn chế**

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông lâm thủy sản bình quân giai đoạn 2016-2020; tỷ lệ giá trị sản phẩm ứng dụng công nghệ cao; diện tích đất lúa kém hiệu quả chuyển đổi sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn; tổng đàn gia súc, gia cầm; số lượng các công trình thủy lợi được đầu tư, nâng cấp; tỷ lệ che phủ rừng.

- Trong lĩnh vực trồng trọt: Việc tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao còn chậm, chưa tạo ra được nhiều vùng sản xuất hàng hóa có quy mô lớn; việc chuyển đổi cây trồng trên đất lúa còn chậm, hiệu quả chưa cao, chưa bền vững, còn nhiều diện tích trồng lúa kém hiệu quả (khó khăn về nước tưới, ngập úng thường xuyên) chưa được chuyển đổi; liên kết sản xuất mang tính hàng hóa chưa lâu dài, bền vững, chưa xây dựng thương hiệu sản phẩm; công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch chưa được quan tâm đầu tư phát triển nên sức cạnh tranh nông sản còn hạn chế.

- Trong lĩnh vực chăn nuôi: Chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại, gia trại chưa nhiều; tỷ lệ trang trại, gia trại áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học còn thấp; một số cơ sở giết mổ, cơ sở kinh doanh gia súc, gia cầm chưa đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Trong lĩnh vực liên kết, tiêu thụ sản phẩm: Việc liên kết chưa bền vững, vai trò của HTX làm cầu nối người nông dân với doanh nghiệp còn hạn chế.

- Trong lĩnh vực cơ giới hóa: Tỷ lệ diện tích áp dụng cơ giới hóa trong khâu cây lúa còn thấp; cơ giới hóa khâu gieo trồng và thu hoạch ở các cây trồng khác còn hạn chế.

#### **2. Nguyên nhân**

- Thời tiết diễn biến bất thường, hàng năm trên địa bàn huyện thường xảy ra mưa bão, rét đậm, rét hại, hạn hán; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, khó lường... ảnh hưởng bất lợi đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Thị trường tiêu thụ nông sản gặp khó khăn, chưa có thị trường tiêu thụ nông sản ổn định. Bệnh dịch Covid diễn biến ngày càng phức tạp ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ của nông sản trên địa bàn.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ ngành nông, lâm, thủy sản chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất hàng hóa quy mô lớn; nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đã được tăng cường nhưng vẫn còn thấp so với nhu cầu thực tế.

- Đầu tư vào nông nghiệp rủi ro lớn nhưng thu nhập lại thấp nên các doanh nghiệp chưa quan tâm đầu tư.

- Việc ứng dụng thương mại điện tử vào phân phối, tiêu thụ nông sản còn hạn chế do sản xuất còn nhỏ lẻ, chưa tập trung. Nhận thức của người dân về thương mại điện tử còn hạn chế.

#### **IV. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

##### **1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về đổi mới phương thức kinh doanh, tiêu thụ nông sản**

Xây dựng và triển khai các chương trình, hoạt động tuyên truyền quảng bá nông sản của địa phương, của tỉnh để nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, hợp tác xã, các đơn vị sản xuất, kinh doanh nông sản và của toàn xã hội về sự cần thiết phải đổi mới phương thức kinh doanh, tiêu thụ nông sản; hướng dẫn áp dụng các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGap), nông nghiệp hữu cơ và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến vào sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản.

##### **2. Tiếp tục rà soát, xây dựng các mô hình theo cơ chế hỗ trợ, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp và tiêu thụ nông sản.**

Triển khai và nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ theo tiêu chuẩn VietGap. Xây dựng các mô hình sản xuất nông sản quy mô lớn, ứng dụng công nghệ gắn với xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và bao tiêu sản phẩm. Tạo ra sản phẩm hàng hóa chất lượng cao cung cấp ra thị trường, tiến tới xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản chất lượng cao của huyện, qua đó nâng cao giá trị sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân và lợi ích của người tiêu dùng.

##### **3. Chuyển đổi mạnh mẽ các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp**

Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Tiếp tục khuyến khích tích tụ ruộng đất theo quy định của pháp luật, xem việc tích tụ ruộng đất là khâu đột phá trong tổ chức sản xuất nông nghiệp thời gian tới. Tích tụ ruộng đất được thực hiện một cách linh hoạt như: Chuyển dịch giữa nông dân với nông dân (dồn điền đổi thửa hoặc nông dân trao đổi, thuê, mượn lại đất của nhau); thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác để các hộ nông dân cùng góp đất để sản xuất hoặc hộ nông dân không góp đất nhưng thống nhất về định hướng thị trường, đầu vào, đầu ra, phương thức canh tác; thông qua các công ty, doanh nghiệp nông nghiệp để các hộ nông dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất, doanh nghiệp thuê lại đất của nông dân liên kết sản xuất theo mô hình cánh đồng mẫu lớn. Chính quyền thống nhất giá thuê, tổng hợp các hộ có nhu cầu cho thuê, dồn điền dồn thửa để cho doanh nghiệp thuê.

##### **4. Huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển nông nghiệp; xây dựng các cơ chế, chính sách tạo sự đột phá trong nông nghiệp**

Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách đã ban hành về nông nghiệp (chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ của Chính phủ; chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao;

chính sách tái cơ cấu nông nghiệp, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới của tỉnh; cơ chế hỗ trợ phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM của huyện vv....).

Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, chuyển giao khoa học và công nghệ, phát triển liên kết sản xuất; kết hợp giữa huy động nguồn vốn đầu tư của Nhà nước với đóng góp của các tổ chức, cá nhân và nhân dân để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất như thủy lợi nhỏ, kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn; đẩy mạnh dư nợ tín dụng đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Đẩy mạnh đào tạo nghề cho nông dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp; tổ chức bồi dưỡng cho các cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác.

### **5. Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử và áp dụng truy xuất nguồn gốc trong kinh doanh và tiêu thụ nông sản**

Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất nông sản trên địa bàn huyện ứng dụng thương mại điện tử, áp dụng các giải pháp công nghệ để truy xuất nguồn gốc, xuất xứ của sản phẩm, xây dựng thương hiệu trực tuyến, hiện đại hóa hệ thống phân phối và tham gia các sàn thương mại để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Hướng dẫn và khuyến khích các doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng thương mại điện tử cho các mặt hàng nông sản, tạo dựng mối liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để tối ưu hóa chi phí và thời gian đưa hàng hóa ra thị trường.

Hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp, Hợp tác xã, Nông dân phân phối sản phẩm, hàng hóa nông sản trên môi trường thương mại điện tử.

### **6. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư trong liên kết sản xuất, phân phối, tiêu thụ nông sản**

Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản; tổ chức sản xuất thực phẩm an toàn địa bàn huyện. Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông sản, thủy sản áp dụng các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), thực hành sản xuất tốt (GMP) vv...

## **V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

- Nhà nước nên xây dựng các chính sách phù hợp với thị trường chuyển nhượng, cho thuê ruộng đất; tạo hành lang pháp lý về đất đai cho các đối tượng mua, bán thuận lợi, thủ tục đơn giản, chi phí thấp. Trường hợp người nông dân chuyển sang nghề khác hay không muốn canh tác, có thể sang nhượng hay cho thuê lại nhằm duy trì đất nông nghiệp, thúc đẩy tích tụ, tập trung ruộng đất trong nông nghiệp.

- Nhà nước cần tăng cường đầu tư nhiều hơn nữa cho nông nghiệp, hướng vào nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ hiện đại trong nông nghiệp, tăng cường khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và xây dựng các cơ sở vật chất kỹ

thuật phục vụ cho sản xuất, cho giai đoạn sau thu hoạch, chế biến, bảo quản nông sản cho đến khi đưa đến người tiêu dùng trong và ngoài nước.

- Tỉnh cần tiếp tục ban hành các chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp, nông thôn như chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về thuế, tín dụng và sử dụng đất đai để phục vụ cho việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh nhà theo hướng công nghệ cao và phát triển bền vững.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện hoạt động hỗ trợ kết nối sản xuất, phân phối và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn huyện Triệu Sơn. Đề nghị Sở Công Thương tổng hợp báo cáo tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Sở Công Thương (b/cáo);
- Chủ tịch huyện (b/c);
- Các Phó CT huyện (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, KTHT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Huy Dũng**